TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **54** /2022/QĐST- HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 08 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM
GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v "Ly hôn, nuôi con chung"

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Thanh Hà - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên họp: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 43/2022/TLST- HNGĐ ngày 24/8/2022 về việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 28/2022/QĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Lê Đình K, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số K, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số A, New Taipei City, Đài Loan. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Ông Lê Đình K và bà Nguyễn Thị Ngọc A kết hôn vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng sống hành phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, cách nuôi dạy con cái, vợ chồng thường cãi vã, mâu thuẫn ngày càng lớn, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông K và bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa giải quyết cho thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông K và bà A xác định có 02 con chung: Lê Đình T, sinh ngày 01/5/2010 và Lê Đình P, sinh ngày 07/01/2012. Ly hôn, ông K và bà A tự thỏa thuận, ông K trực tiếp nuôi 02 con chung, bà A không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông K và bà A xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Đình K, địa chỉ: Số K, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng và bà Nguyễn Thị Ngọc A, địa chỉ: Số A, New Taipei City, Đài Loan, nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với việc ly hôn có yếu tố nước ngoài của người yêu cầu ông Lê Đình K, bà Nguyễn Thị Ngọc A theo quy định tại Điều 122 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi thụ lý việc dân sự, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý thụ lý việc dân sự cho bà Nguyễn Thị Ngọc A theo đường dịch vụ bưu chính. Ngày 30/8/2022, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nhận được đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của bà Nguyễn Thị Ngọc A về việc thuận tình ly hôn và nuôi con chung, có xác nhận ngày 24/8/2022 của Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc. Vì vậy, Tòa án áp dụng khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết việc dân sự vắng mặt bà Nguyễn Thị Ngọc A.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đình K và bà Nguyễn Thị Ngọc A kết hôn vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông K và bà A là do bất đồng về quan điểm sống, cách nuôi dạy con cái, vợ chồng thường cãi vã, mâu thuẫn ngày càng lớn, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông K và bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa giải quyết cho thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn giữa ông K và bà A là tự

nguyện, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông K và bà A.

[2.2] Về con chung: Ông K và bà A xác định có 02 con chung là Lê Đình T, sinh ngày 01/5/2010 và Lê Đình P, sinh ngày 07/01/2012. Ly hôn, ông K và bà A tự thỏa thuận, ông K trực tiếp nuôi 02 con chung, bà A không cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thỏa thuận về việc nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con chung giữa ông K và bà A là tự nguyện và không trái luật, phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, nên Tòa án công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con chung giữa ông K và bà A.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông K và bà A xác định không có, nên không đề cập đến.

[3] Lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 đồng ông K tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông K đã nộp theo biên lai thu số: 0005047 ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông K đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 361, 367 và 464 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 55, 81, 82, 83, 122, 123 và 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Lê Đình K, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số K, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số A, New Taipei City, Đài Loan.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đình K và bà Nguyễn Thị Ngọc A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Lê Đình K trực tiếp nuôi 02 con chung là Lê Đình T, sinh ngày 01/5/2010 và Lê Đình P, sinh ngày 07/01/2012.

Bà Nguyễn Thị Ngọc A không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông Lê Đình K và bà Nguyễn Thị Ngọc A xác định không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông Lê Đình K và bà Nguyễn Thị Ngọc A xác định không có nợ chung.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: 300.000 đồng ông Lê Đình K tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông K đã nộp theo biên lai thu số 0005047 ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông K đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Lê Đình K và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Bà Nguyễn Thị Ngọc A vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP.Đà Nẵng;
- UBND phường H
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Thị Thúy Năng